

Số: /GPMT-UBND Sơn La, ngày tháng 10 năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La;*

*Xét Công văn số 760/BQL-ĐT,XD&MT ngày 18/8/2025 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I); Công văn số 975/BQL-ĐT,XD&MT ngày 14/10/2025 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La về việc tiếp thu, bổ sung, giải trình nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I) và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1190/TTr-SNNMT ngày 21/10/2025.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La (địa chỉ

tại số 02, đường Mai Đắc Bân, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I) tại xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La với những nội dung như sau:

### **1. Thông tin chung của chủ cơ sở**

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I).

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La.

1.3. Công văn số 1909/CP-CN ngày 16/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương xây dựng KCN tại các tỉnh Đồng Nai và Sơn La; Công văn số 1604/TTg-CN ngày 10/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc dự án KCN Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc thành lập Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

1.4. Mã số thuế: 5500561228.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; các lĩnh vực thu hút đầu tư: chế biến nông, lâm sản; thực phẩm; dược liệu; thức ăn chăn nuôi; phân bón; sản xuất vật liệu mới; công nghiệp phụ trợ, bao bì; năng lượng tái tạo, dịch vụ logistics,...

1.6. Phạm vi quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích:

+ Diện tích theo dự án đầu tư được phê duyệt: 637.000m<sup>2</sup> (Giai đoạn I).

+ Diện tích đất đã được giao đất: 435.585,5m<sup>2</sup> (theo Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí môi trường tương đương Dự án nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### **2. Nội dung cấp Giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **07 (bảy)** năm.

(từ ngày tháng 10 năm 2025 đến hết ngày tháng 10 năm 2032).

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép môi trường theo đúng quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, XD, KH&CN;
- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND xã Chiềng Mung;
- Trung tâm thông tin tỉnh (để công bố);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, KT - Hiệu 16 bản.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Công**

**Phụ lục số 01****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ văn phòng Trung tâm Dịch vụ, Trụ sở và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà máy xử lý nước cấp.
- Nguồn số 04: Nước thải công nghiệp phát sinh từ Nhà máy xử lý nước cấp.
- Nguồn số 05: Nước thải công nghiệp phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp Mai Sơn.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp Mai Sơn.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Nậm Pàn, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Suối Nậm Pàn, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 2352336, Y: 5054468 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ}00'$  múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $2.500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

2.4. Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý được quan trắc tự động, liên tục trước khi tự chảy theo đường ống HDPE D300 (chiều dài  $1.507\text{m}$ ) ra suối Nậm Pàn, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La (xả mặt).

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ)

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A,  $K_q=0,9$ ,  $K_f= 1,0$ ) và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A (áp dụng bắt đầu từ ngày 01/01/2032) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 40:2011/BTNMT ( $C_{max}$ - Cột A)	QCVN 40:2025/BTNMT (Cột A)		
1	Nhiệt độ	°C	40	≤ 40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt để quan trắc các thông số: COD, pH, nhiệt độ, TSS, Amoni, lưu lượng (đầu vào, đầu ra)
2	Màu	Pt/Co	50	≤ 50		
3	pH	-	6 - 9	6 - 9		
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	27	≤ 30		
5	COD	mg/L	67,5	≤ 60		
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	45	≤ 30		
7	Asen	mg/L	0,045	≤ 0,05		
8	Thủy ngân	mg/L	0,0045	≤ 0,001		
9	Chì	mg/L	0,09	≤ 0,1		
10	Cadimi	mg/L	0,045	≤ 0,02		
11	Crom (VI)	mg/L	0,045	≤ 0,1		
12	Đồng	mg/L	1,8	≤ 1,0		
13	Kẽm	mg/L	2,7	≤ 1,0		
14	Niken	mg/L	0,18	≤ 0,1		
15	Mangan	mg/L	0,45	≤ 2,0		
16	Sắt	mg/L	0,9	≤ 2,0		
17	Tổng Xianua	mg/L	0,063	-		
18	Xianua	mg/L	-	≤ 0,2		
19	Tổng phenol	mg/L	0,09	≤ 1,0		
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,5	-		
21	Dầu mỡ khoáng	mg/L	-	≤ 1,0		
22	Sunfua	mg/L	0,18	≤ 0,2		
23	Florua	mg/L	4,5	≤ 3,0		
24	Amoni (tính theo N)	mg/L	4,5	≤ 5,0		
25	Tổng nitơ	mg/L	18	≤ 20		
26	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	3,6	≤ 4,0		
27	Clorua	mg/L	450	≤ 500		
28	Clo dư	mg/L	0,9	≤ 1,0		
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	0,045	≤ 0,05		
30	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/L	0,027	≤ 0,3		
31	Tổng PCB	mg/L	0,0027	≤ 0,003		
32	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	-	≤ 3.000		
33	Coliform	Vi khuẩn/100mL	3.000	-		

## B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

#### 1.1.1. Nước thải sinh hoạt

Nước thải từ nguồn số 01, 02, 03, 06 gồm: Nước thải sinh hoạt từ văn phòng Trung tâm Dịch vụ, Tư vấn và Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; từ nhà vệ sinh khu vực trạm xử lý nước thải tập trung; từ nhà vệ sinh khu vực nhà máy xử lý nước cấp và nước thải sinh hoạt của các cơ sở thứ cấp được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn trước khi thu gom về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Mai Sơn (*Giai đoạn I*).

#### 1.1.2. Nước thải công nghiệp

- Nước thải từ nguồn số 04: Được thu gom vào bể lắng (*dung tích 54m<sup>3</sup>*) sau đó được thu gom theo các đường ống thu gom nước thải về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Mai Sơn (*Giai đoạn I*).

- Nước thải từ nguồn số 05: Được xử lý tại các cơ sở thứ cấp đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (*Cột B*) và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột C (*áp dụng bắt đầu từ ngày 01/01/2032*); sau đó được thu gom theo các đường ống thu gom nước thải về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Mai Sơn (*Giai đoạn I*).

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công nghệ xử lý: Tiên xử lý hoá lý kết hợp với công nghệ xử lý sinh học AO ứng dụng giá thể vi sinh chuyên dụng MBBR.

- Tóm tắt quy trình công nghệ Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải phát sinh từ các nguồn theo các đường ống thu gom → bể thu gom (*có song chắn rác*) → bể điều hoà (*có thiết bị lọc rác tinh*) → bể điều chỉnh pH → bể châm PAC → bể tạo bông → bể lắng (*lamen*) → bể thiếu khí (*anoxic*) → bể hiếu khí (*Oxic-MBBR*) → bể lắng 2 → bể khử trùng → mương quan trắc → bể kiểm chứng → suối Nậm Pàn (*bằng đường ống HDPE D300, chiều dài 1.507m*).

- Công suất thiết kế: 2.500m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen, NaOH, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, PAC, Polymer, EM (*hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.6 Phần A của Phụ lục này*).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Số lượng: 01 trạm

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (*đầu vào và đầu ra*), COD, pH, nhiệt độ, TSS, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

Yêu cầu Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La khẩn trương hoàn thành việc kết nối, truyền dữ liệu trạm quan trắc nước thải tự động liên tục của Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mai Sơn (*giai đoạn I*) về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục (*có camera theo dõi, thiết bị lấy mẫu tự động*) và kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu cơ bản và đặc tính kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước thải sau xử lý; thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp ứng phó sự cố.

- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực Trạm xử lý; ban hành quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải trong từng trường hợp sự cố có thể xảy ra.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố: Sử dụng 01 hồ phòng ngừa ứng phó sự cố dung tích 1.200m<sup>3</sup>, đã lắp đặt hệ thống đường ống và bơm nước thải để có thể xoay vòng nước thải khi có sự cố.

- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo tiêu chuẩn nước thải đầu vào nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống.

- Thực hiện điều tiết lượng nước thải, thông báo cho các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp để điều chỉnh công suất sản xuất để giảm lượng nước thải phát sinh trong khu công nghiệp trong thời gian khắc phục sự cố. Trường hợp trong thời gian lưu 01 ngày mà chưa khắc phục xong sự cố, tiến hành ngưng hoạt động tiếp nhận nước thải trước khi khắc phục xong.

#### 1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung

Đối với nước thải sản xuất công nghiệp phát sinh từ các cơ sở hoạt động trong khu công nghiệp yêu cầu xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (*Cột B*) và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột C (*áp dụng bắt đầu từ ngày*

01/01/2032) trước khi đầu nối về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Mai Sơn, cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn tiếp nhận	
			QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)	QCVN 40:2025/BTNMT (cột C)
1	Nhiệt độ	°C	40	≤ 40
2	Màu	Pt/Co	150	≤ 150
3	pH	-	5,5 - 9	6 - 9
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	50	≤ 60
5	COD	mg/L	150	≤ 90
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	100	≤ 80
7	Asen	mg/L	0,1	≤ 0,25
8	Thủy ngân	mg/L	0,01	≤ 0,005
9	Chì	mg/L	0,5	≤ 0,5
10	Cadimi	mg/L	0,1	≤ 0,1
11	Crom (VI)	mg/L	0,1	≤ 0,5
12	Đồng	mg/L	2	≤ 3,0
13	Kẽm	mg/L	3	≤ 5,0
14	Niken	mg/L	0,5	≤ 3,0
15	Mangan	mg/L	1	≤ 10
16	Sắt	mg/L	5	≤ 10
17	Tổng xianua	mg/L	0,1	-
18	Xianua	mg/L	-	≤ 1,0
19	Tổng phenol	mg/L	0,5	≤ 3,0
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10	-
21	Dầu mỡ khoáng	mg/L	-	≤ 5,0
22	Sunfua	mg/L	0,5	≤ 1,0
23	Florua	mg/L	10	≤ 15
24	Amoni (tính theo N)	mg/L	10	≤ 12
25	Tổng nitơ	mg/L	40	≤ 60
26	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	6	≤ 10
27	Clorua	mg/L	1.000	1.000
28	Clo dư	mg/L	2	≤ 2,0
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	0,1	≤ 0,1
30	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/L	1	≤ 1,0
31	Tổng PCB	mg/L	0,01	≤ 0,003
32	Coliform	Vi khuẩn/100mL	5.000	≤ 5.000
33	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	-	≤ 5.000

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (*dự kiến từ ngày 30/10/2025 đến ngày 30/02/2026*).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mai Sơn công suất 2.500m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Bể thu gom nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Điểm xả thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần trong ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đối với nước thải đầu vào và đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải tập trung*); Trường hợp cần thiết, có thể đo đạc, lấy và phân tích thêm một số mẫu đơn đối với nước thải sau xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung trong giai đoạn này để đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải và có giải pháp điều chỉnh, cải thiện, bổ sung công trình xử lý nước thải đó theo hướng tốt hơn.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn đối với nước thải đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải tập trung*) trong ít nhất 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả. Trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động trong Khu công nghiệp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp Mai Sơn. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn

trước khi thoát nước vào suối Nậm Pàn; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất, vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của Khu công nghiệp Mai Sơn. Khuyến khích việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (*đầu vào, đầu ra*), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (*nếu có*); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm ổn định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*).

3.6. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Mai Sơn phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có tiêu chuẩn đầu nối nước thải vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thỏa thuận cụ thể điều kiện đầu nối nước thải với các nhà đầu tư thứ cấp trong khu công nghiệp trước khi thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Mai Sơn.

3.7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp trong khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục số 02****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /10/2025  
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Máy móc thiết bị hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Máy móc thiết bị hoạt động của trạm xử lý nước cấp.
- Nguồn số 03: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào Khu công nghiệp Mai Sơn.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tọa độ X: 2352910; Y: 505768 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104<sup>00</sup>' múi chiếu 3<sup>0</sup>).
- Nguồn số 02: Tọa độ X: 2351613; Y: 506136 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104<sup>00</sup>' múi chiếu 3<sup>0</sup>).
- Nguồn số 03: Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (là nguồn phân tán hoặc di động) trong khuôn viên cơ sở Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I).

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (áp dụng đến ngày 31/12/2026), QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (áp dụng từ ngày 01/01/2027), cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn**

- Theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

TT	Khu vực	Đơn vị	QCVN 26:2010/BTNMT	
			Từ 6 <sup>h00</sup> ' đến 21 <sup>h00</sup> '	Từ 21 <sup>h00</sup> ' đến 6 <sup>h00</sup> '
1	Khu vực thông thường	dBA	70	55

- Theo QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

TT	Nguồn phát sinh	Khoảng thời gian			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
		Ngày (06 <sup>h00</sup> ' đến trước 18 <sup>h00</sup> ')	Tối (18 <sup>h00</sup> ' đến trước 22 <sup>h00</sup> ')	Đêm (22 <sup>h00</sup> ' đến trước 06 <sup>h00</sup> ')		
1	Nguồn số 1, 2	70	65	60	-	Khu vực E
2	Nguồn số 3	73		63	-	Khu vực E

### 3.2. Độ rung:

- Theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Khu vực	Đơn vị	QCVN 27:2010/BTNMT	
			Từ 6 <sup>h</sup> 00' đến 21 <sup>h</sup> 00'	Từ 21 <sup>h</sup> 00' đến 6 <sup>h</sup> 00'
1	Khu vực thông thường	dBA	70	60

- Theo QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Nguồn phát sinh	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
		Ngày (06 <sup>h</sup> 00' ~ trước 22 <sup>h</sup> 00')	Đêm (22 <sup>h</sup> 00' ~ trước 06 <sup>h</sup> 00')		
1	Nguồn số 1, 2	75	70	-	Khu vực D
2	Nguồn số 3	70	65	-	Khu vực D

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng (*tra dầu, mỡ, vệ sinh*) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê các đệm chân đế máy để hạn chế độ rung. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung theo quy định (*nếu có*).

1.3. Trồng cây xanh xung quanh Khu công nghiệp Mai Sơn để ngăn cản và giảm tiếng ồn.

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục số 03****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /10/2025  
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	5	18 02 01
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	20	17 02 04
3	Bao bì, vỏ thùng có chứa chất thải nguy hại	Rắn	5	18 01 01
	<b>Tổng</b>		<b>30</b>	

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước cấp	12 10 02	4.280,4
	<b>Tổng khối lượng</b>		<b>4.280,4</b>

**1.3. Chất thải công nghiệp phải kiểm soát**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải (KS)	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	69.350
	<b>Tổng khối lượng</b>		<b>69.350</b>

**1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 2,37tấn/năm.****2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy, không rò rỉ, được dán mã chất thải nguy hại và biển cảnh báo theo quy định.

- Khu vực lưu giữ: Khu vực lưu chứa diện tích 20m<sup>2</sup>, đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện đúng trách nhiệm trong việc quản lý và xử lý chất thải nguy hại quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

## 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

### a) Chất thải rắn công nghiệp thông thường (*bùn thải từ hệ thống xử lý nước cấp*)

- Quy trình: Bùn thải → sân phơi bùn → đóng bao lưu giữ trong kho chứa.

- Kho chứa diện tích 19,8m<sup>2</sup> (*được xây dựng tường gạch, trát vữa xi măng, nền chống thấm, mái che kín và có cửa ra vào, có bố trí bảng tên và biển cảnh báo*).

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với bùn thải phát sinh từ bể tự hoại 03 ngăn tại văn phòng Trung tâm Dịch vụ, Tư vấn và Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu vực trạm xử lý nước thải tập trung, khu vực nhà máy xử lý nước cấp: Định kỳ hàng năm (*tùy thuộc mức độ sử dụng*) thuê đơn vị có chức năng hút bùn xử lý theo quy định.

- Đối với bùn nạo vét từ hệ thống rãnh thu gom, thoát nước mưa: Định kỳ hàng năm tiến hành nạo vét, sử dụng trồng cây trong khuôn viên khu công nghiệp.

### b) Chất thải công nghiệp phải kiểm soát (*bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải công nghiệp*)

- Quy trình: Bùn thải → bể chứa bùn → máy ép bùn băng tải → bùn khô đóng bao lưu giữ trong kho chứa.

- Kho chứa diện tích 19,8m<sup>2</sup> (*được xây dựng tường gạch, trát vữa xi măng, nền chống thấm, mái che kín và có cửa ra vào, có bố trí bảng tên và biển cảnh báo*).

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn; bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

## 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa để thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt ngay tại nguồn.

- Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế được lưu giữ để tái sử dụng hoặc bán phế liệu; Chất thải thực phẩm khuyến khích tận dụng tối đa để làm

phân bón hữu cơ hoặc thức ăn chăn nuôi. Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác được chuyên giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Yêu cầu Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La thực hiện đầy đủ việc đóng phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

4. Tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo hành, bảo trì riêng đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi đưa vào vận hành chính thức làm cơ sở cho việc bảo hành, bảo trì công trình được an toàn, phòng ngừa các sự cố môi trường đối với cơ sở. Phối hợp với đơn vị cung cấp lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tổ chức tập huấn, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn vận hành đối với Hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn cho đơn vị sử dụng, khai thác vận hành được hiệu quả, an toàn trong quá trình vận hành.

5. Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Phụ lục số 04****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /10/2025  
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

- Đã cơ bản hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Một số nội dung thay đổi so với hồ sơ trên được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

- Tại thời điểm đề xuất cấp Giấy phép môi trường, diện tích của cơ sở đã hoàn thành thủ tục pháp lý về đất đai là 435.585,5m<sup>2</sup>. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La chỉ triển khai thực hiện đối với phần diện tích đất đã hoàn thành thủ tục pháp lý về đất đai theo quy định của pháp luật. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành và UBND xã Chiềng Mung tiếp tục triển khai công tác giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đối với diện tích đất chưa giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Mai Sơn (*giai đoạn I*) theo quy định.

- Các hạng mục đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng bảo vệ môi trường Khu công nghiệp Mai Sơn (*giai đoạn II*) không thuộc phạm vi cấp phép tại giấy phép môi trường này.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các nội dung trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, môi trường, xây dựng, đầu tư, công nghệ và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

3. Quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải

rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước; tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

7. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

8. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong Khu công nghiệp phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch chi tiết của Khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

9. Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường hoặc gây bức xúc trong nhân dân, tạo dư luận xã hội.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.